TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HÒA** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 132/2019/HNGĐ-ST Ngày: 03-7-2019 V/v "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn".	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đinh Tiền Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh H

Bà Lương Thị Hồng Thắm

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Kiều Thị Tùng Khương là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 03 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 415/2019/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 153/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 99/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Thanh P**, sinh năm 1978; (có mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 5, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Ông **Nguyễn Quốc H**, sinh năm 1978; (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: ấp T, xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long.

Địa chỉ tạm trú: Ấp 5, xã Đ, huyện N, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/4/2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh P trình bày: bà và ông Nguyễn Quốc H tự tìm hiểu nhau, sống chung với nhau từ năm 2003, Sau đó, bà và ông H có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long ngày 25/4/2005. Buổi đầu, bà và ông H sống với nhau chung nhà cha mẹ ruột của ông H tại huyện B, tỉnh Vĩnh Long. Sau đó, bà và ông H đi

làm ăn ở một vài tỉnh khác. Từ năm 2015, bà và ông H sinh sống tại xã Đ, huyện N, tỉnh Long An cho đến nay. Cả hai đều có đăng ký tạm trú tại xã Đ. Bà và ông H chung sống được 16 năm. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Khoảng ba, bốn năm trở lại đây, bà và ông H có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông H hay nhậu nhẹt xúc phạm đến danh dự nhân phẩm của bà và gia đình của bà. Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông H vẫn không thay đổi. Khoảng 07 tháng, 08 tháng nay, bà và ông H đã không còn sống chung nhà với nhau. Hiện tại, cả hai đều làm ăn và sinh sống tại xã Đức Hòa Đông. Đến nay, bà cảm thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài. Nay bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống, bà xác định bà và ông H có 01 con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/4/2003, giới tính: N. Hiện tại, con chung đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Bà xác định giữa bà và ông H không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác định bà và ông H không có nợ ai.

Bị đơn là ông Nguyễn Quốc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các Văn bản tố tụng của Tòa án, thể hiện việc bà P yêu cầu được ly hôn với ông H, nhưng ông H vẫn không có văn bản ý kiến trình bày đối với các yêu cầu khởi kiện của bà P.

Vụ án đã được Tòa án tiến hành công khai chứng cứ và lập biên bản không tiến hành hòa giải được do bị đơn là ông H vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn là ông Nguyễn Quốc H vắng mặt. Nguyên đơn Nguyễn Thị Thanh P vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Thanh P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H. Ông H đang cư trú tại xã Đ, huyện N, tỉnh Long An. Quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; thẩm quyền giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án, nên Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án được đưa ra xét xử theo thủ tục chung.

[3] Bị đơn là ông Nguyễn Quốc H được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh P:

[4.1] Về hôn nhân: Xét thấy, Bà Nguyễn Thị Thanh Pvà ông Nguyễn Quốc H tự nguyện sống chung và đã đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 34/2005 đăng ký ngày 25/4/2005 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long cấp, nên hôn nhân giữa bà P và ông Hlà hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, quá trình chung sống giữa bà P và ông H đã có phát sinh mâu thuẫn như bà P đã trình bày, nên bà P mới nộp đơn yêu cầu được ly hôn với ông H. Mặc khác, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông H và ông H là người trực tiếp ký nhận, thể hiện việc bà P yêu cầu được ly hôn với ông H tại Tòa án, nhưng ông H vẫn hông có ý kiến, không thể hiện ý chí muốn đoàn tụ, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại phiên tòa, bà P xác định không còn tình cảm gì với ông H và vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà P và ông H là có thật, quan hệ hôn nhân của hai bên đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét thấy, việc bà P cương quyết ly hôn với ông H là có cơ sở, nghĩ nên chấp nhận xử cho bà Nguyễn Thị Thanh P được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H là hoàn toàn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Về nuôi con chung: Theo quy định tại các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì: "...Vợ, chồng được quyền thỏa thuận người trực tiếp nuôi con...; Nếu con từ 07 (bảy) tuổi trở lên thì xem xét nguyện vọng của con...". Do tại thời điểm xét xử, con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/4/2003 đã đủ 07 tuổi. Quá trình giải quyết vụ án, cháu T có văn bản có ý kiến, nguyện vọng sống chung cùng với bà P. Mặc khác, ông H cố tình vắng mặt, nên không thể thỏa thuận người trực tiếp nuôi con. Hiện tại, con chung đang do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy, vì lợi ích của con chung trên ý kiến tự nguyện của con chung, đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống, trong học tập, nên cần giao cháu Nguyễn Thị Ngọc T cho bà P được trực tiếp chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu T đã thành niên. Ghi nhận sự tự nguyện của bà P không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

[4.3] Về chia tài sản và nợ chung: Do ông H cố tình vắng mặt, không có ý kiến trình bày. Bà P xác định giữa bà P và ông H không có tài sản chung và không có nợ ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, các bên đương sự có tranh chấp về chia tài sản và nợ chung sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thanh P về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" đối với ông Nguyễn Quốc H.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh P được ly hôn với ông Nguyễn Quốc H.

2. Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Thanh P được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thị Ngọc T, sinh ngày 26/4/2003, giới tính: Nữ. Ông Nguyễn Quốc H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở. Trường hợp bên không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì bên trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật. Bên trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được quyền cản trở bên không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung.

Khi thấy cần thiết, trên cơ sở lợi ích của con chung thì bên trực tiếp nuôi con, bên không trực tiếp nuôi con, cơ quan, tổ chức và cá nhân có thẩm quyền có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Thanh P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà Nước, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà P đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004528 ngày 22/4/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Bà Nguyễn Thị Thanh P đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Thanh P có mặt có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ

ngày tuyên án. Bị đơn là ông Nguyễn Quốc H vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày được Tòa án tống đạt hợp lệ bản án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Hòa;
- Chi cục THADS huyện Đức Hòa;
- UBND xã P, huyện B, tỉnh Vĩnh Long *(để ghi vào sổ hộ tịch)*;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đinh Tiền Phương